

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng

Ngày 30/06/2025	25,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.8%	-9.8%	-9.8%

DT thuần Q2/25
26.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.4 237%
YoY: ▼0.40 -1.6%

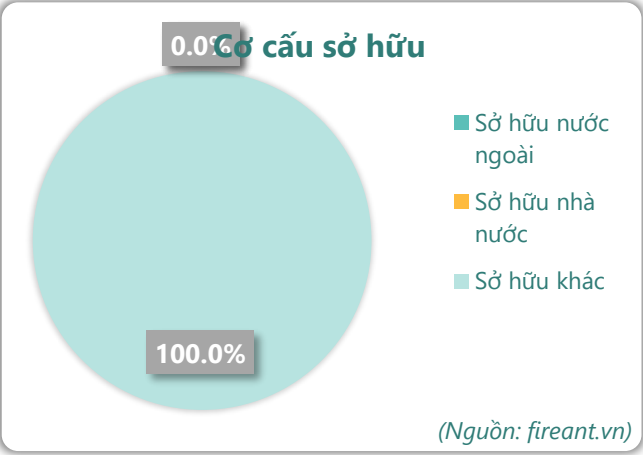
LN thuần Q2/25
1.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.13 201%
YoY: ▼0.65 -27.8%

LN sau thuế Q2/25
1.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.93 232%
YoY: ▼0.55 -29.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
6.5%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM) Q2/25
18.5%
YoY: +/-▲ 1.0%

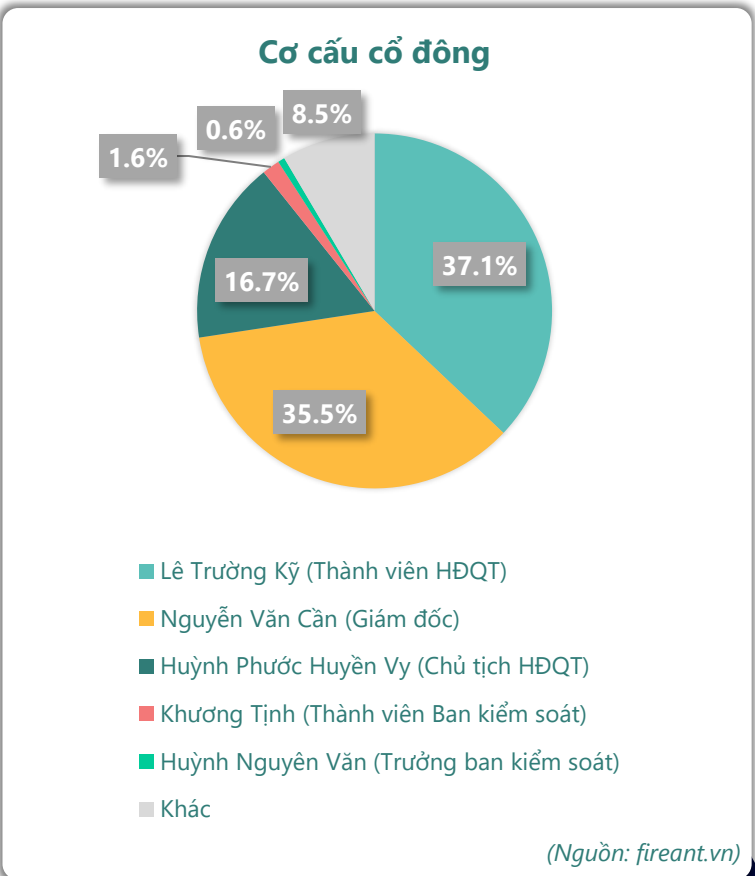
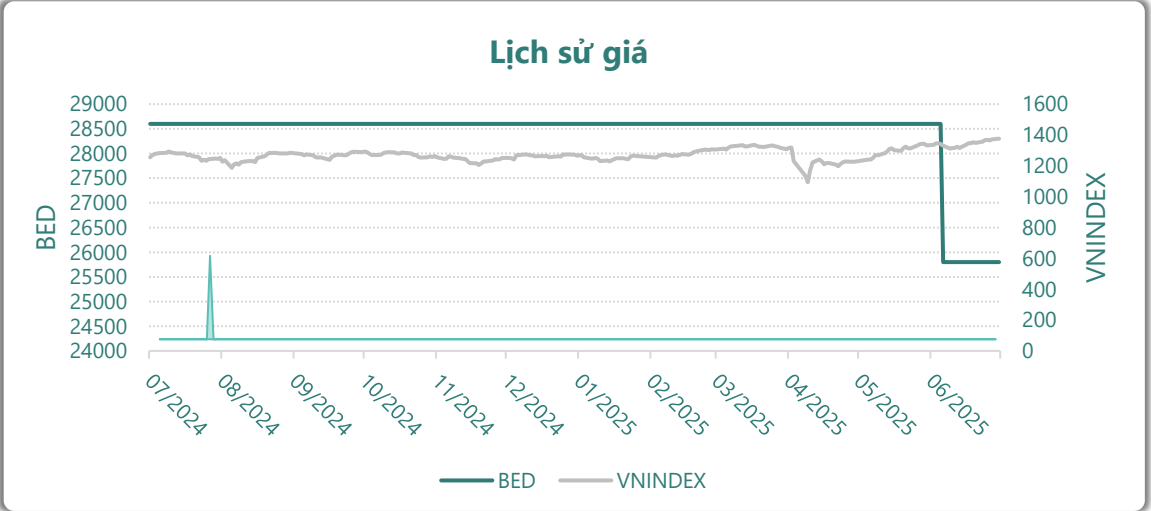
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,800 - 28,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,595
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.04
EPS	2,363
P/E	10.9



DT thuần 6T 2025
33.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.30 -3.8%

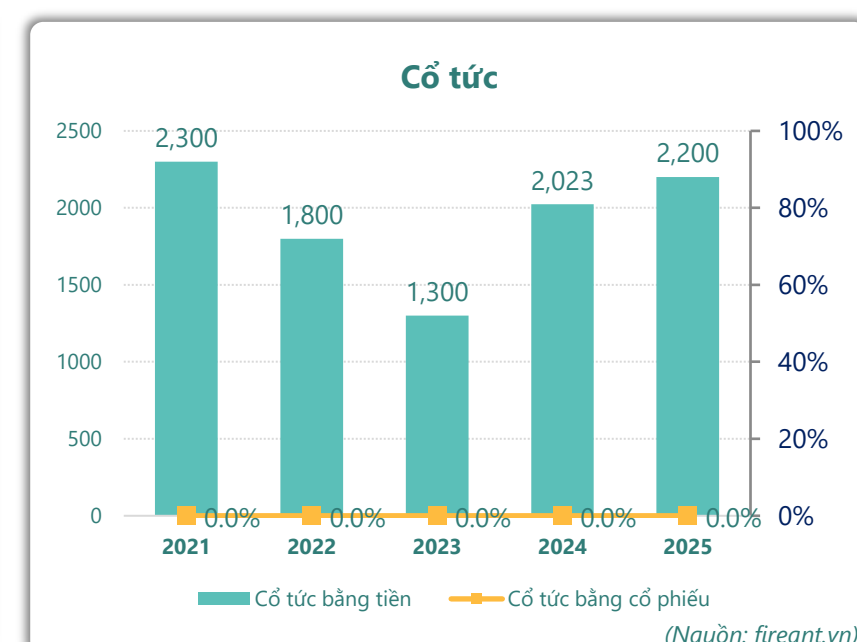
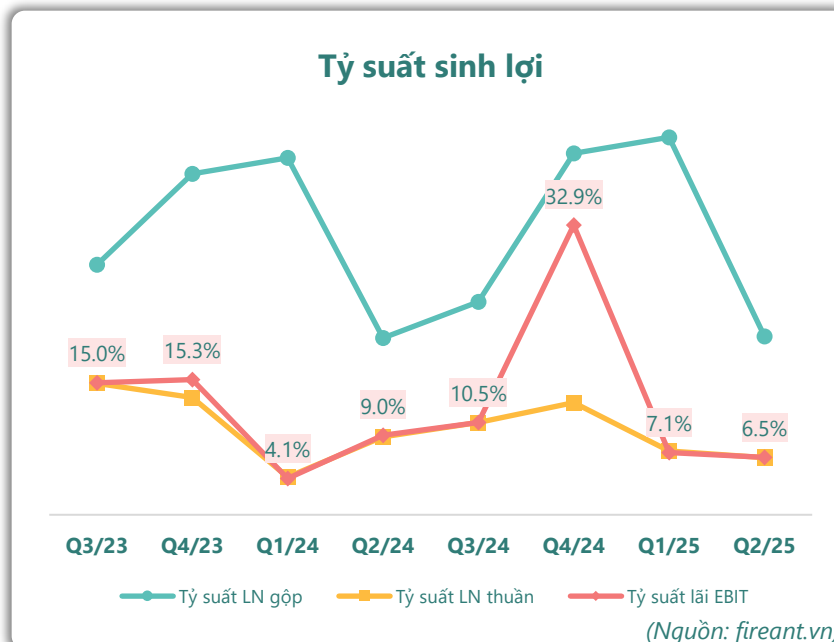
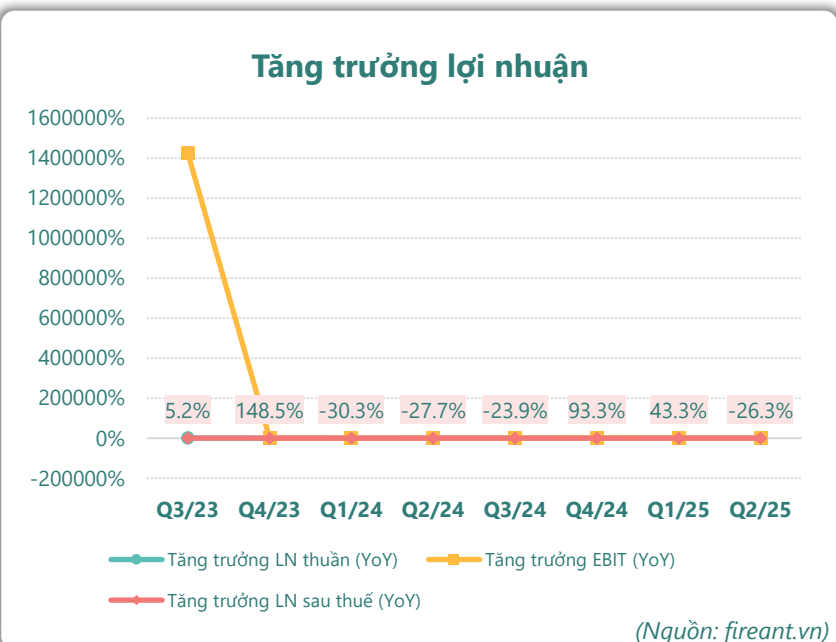
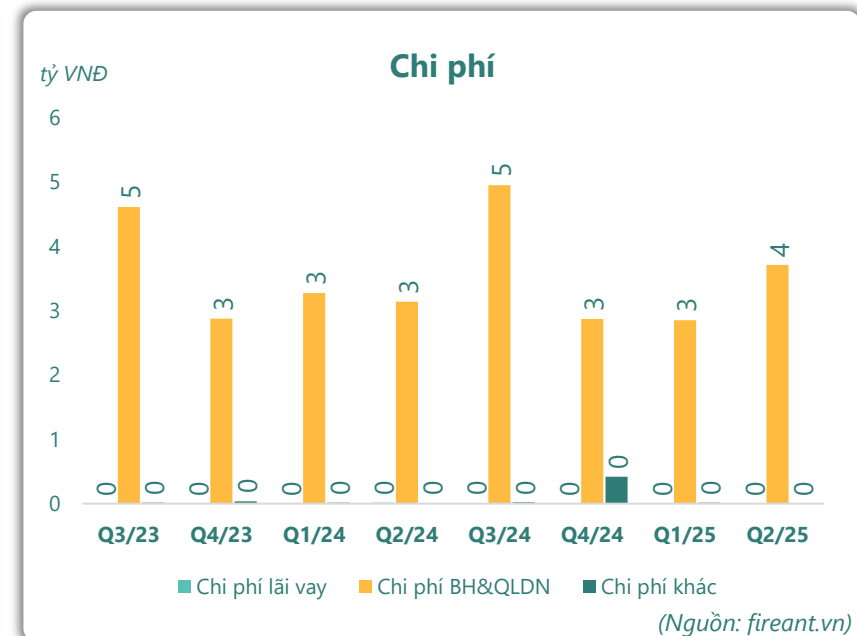
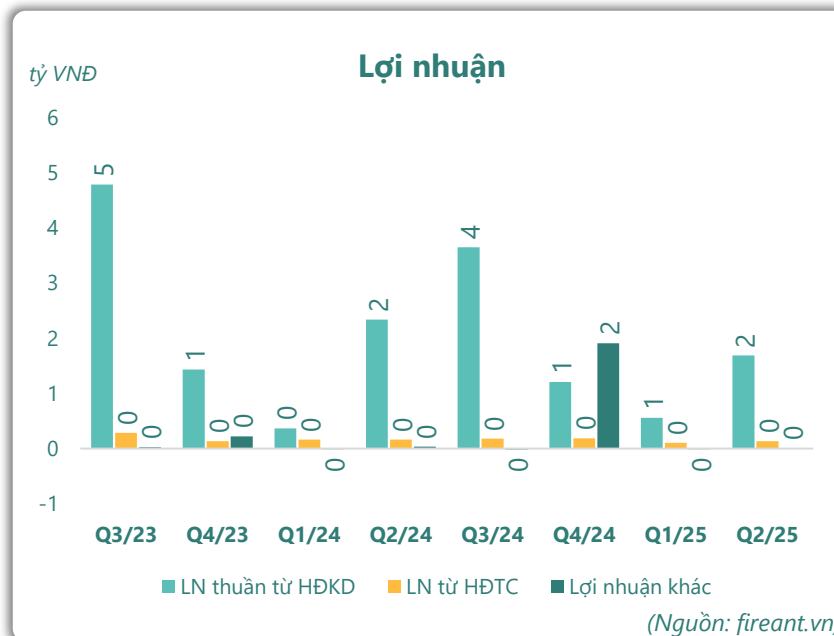
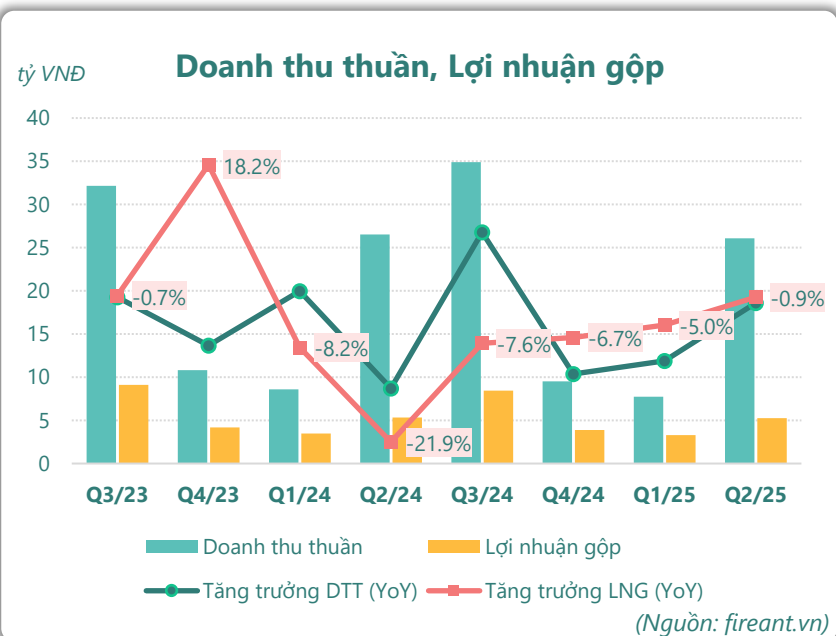
LN thuần 6T 2025
2.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.46 -17.1%

LN sau thuế 6T 2025
1.73
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.40 -19.0%





KẾT QUẢ KINH DOANH

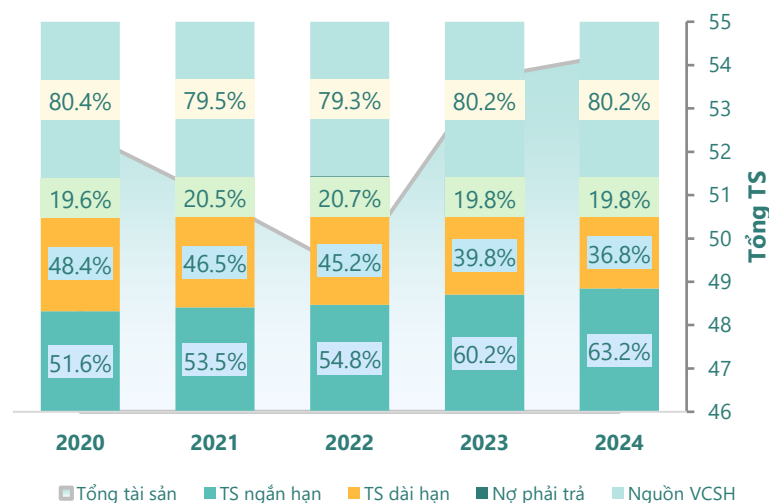




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

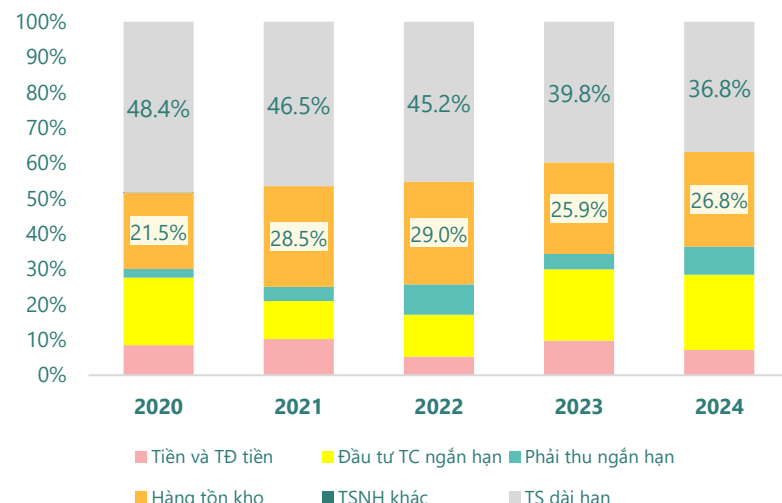
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

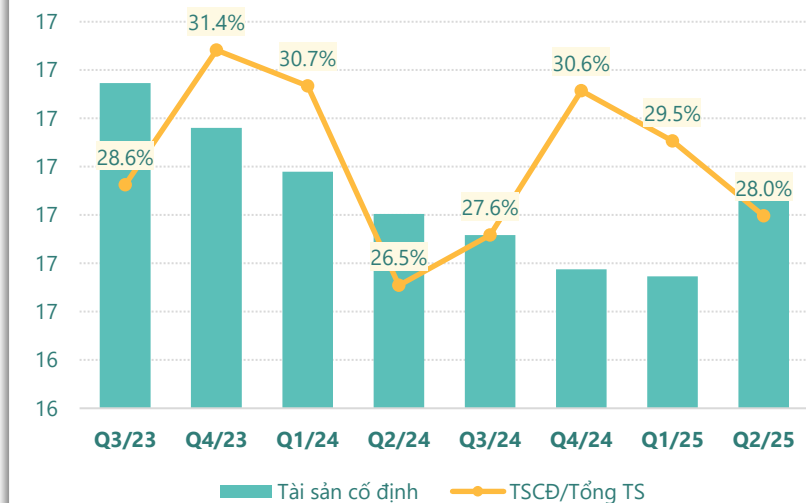
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

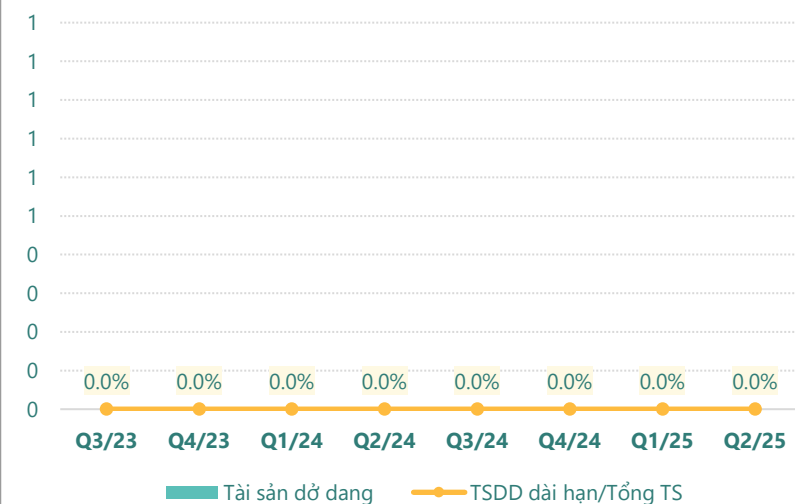
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

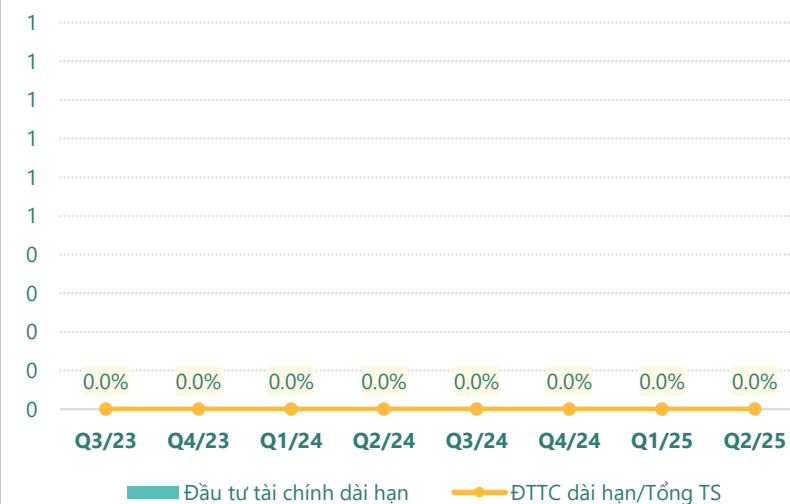
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

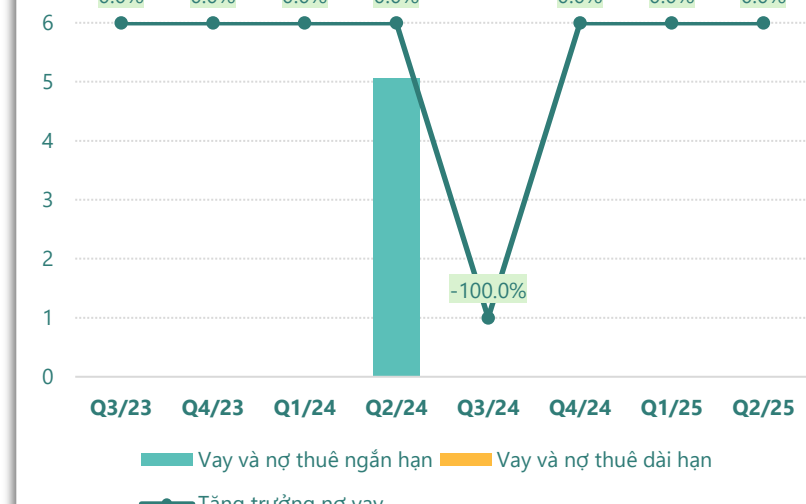
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



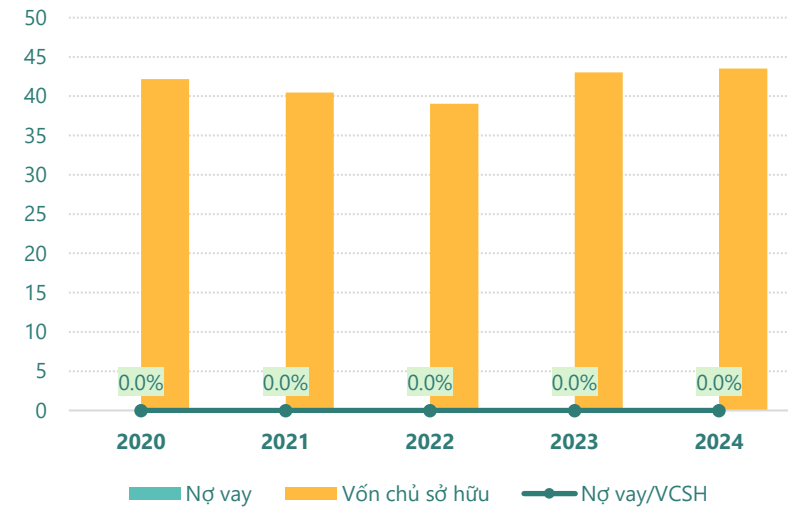
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

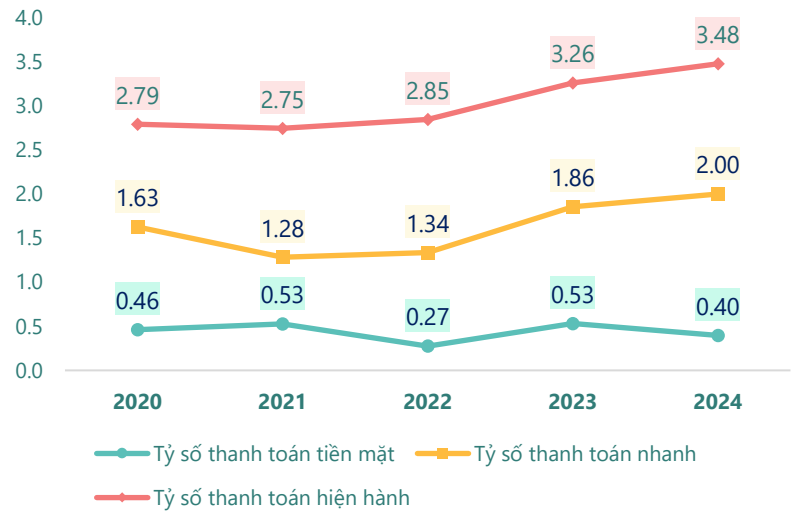
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



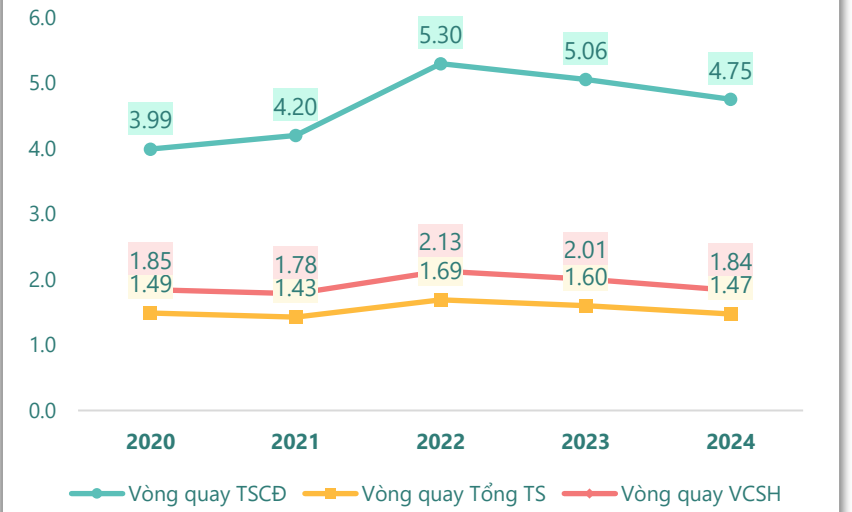
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



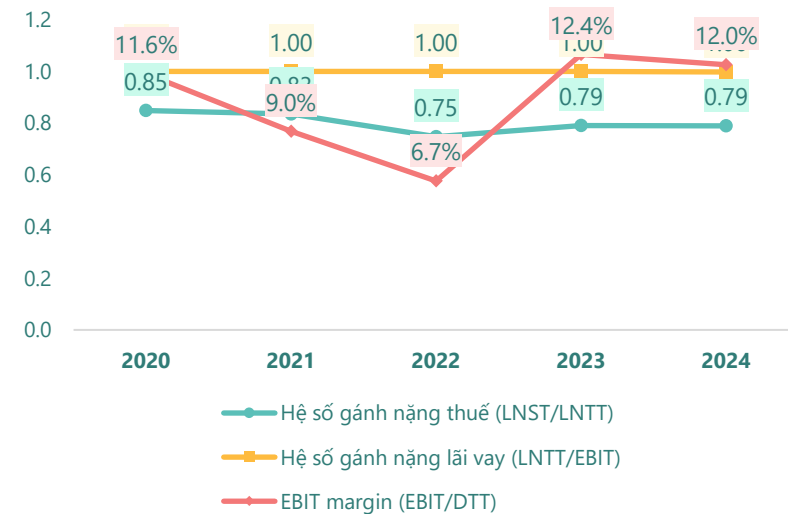
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



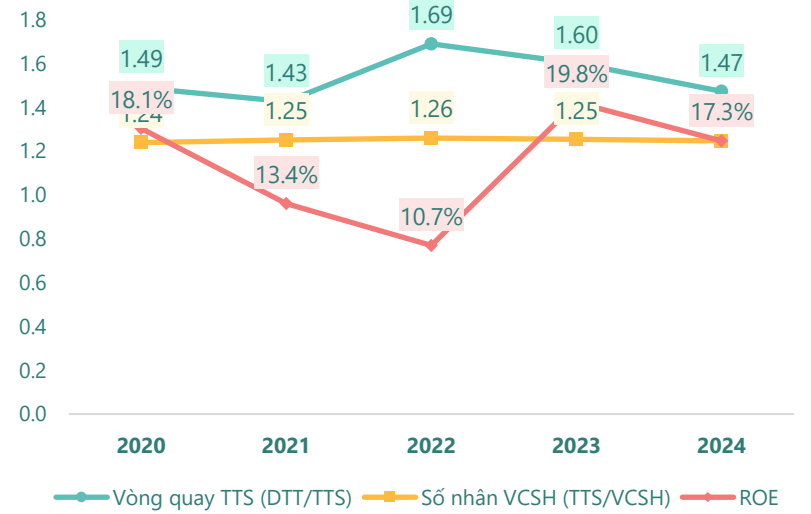
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

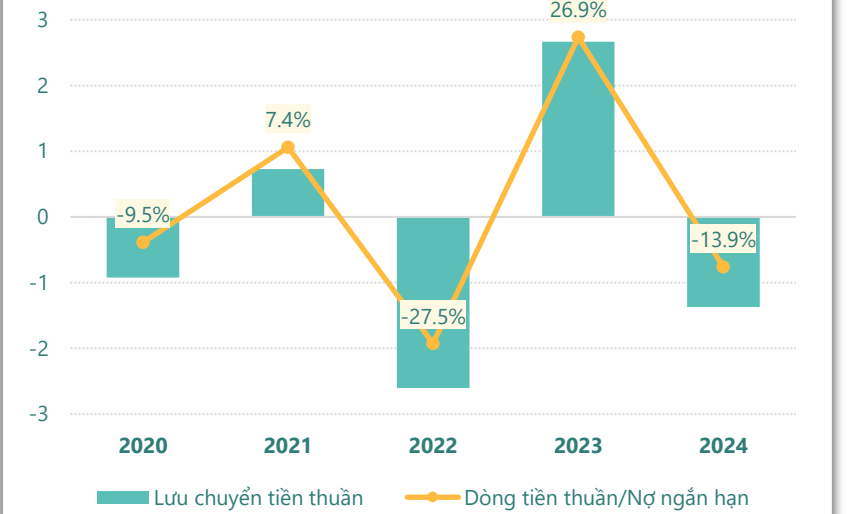
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	26.1	26.5	-1.6%	33.8	35.1	-3.8%
Giá vốn hàng bán	20.8	21.2	-1.9%	25.2	26.3	-4.3%
Lợi nhuận gộp	5.27	5.32	-0.9%	8.58	8.80	-2.5%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.18	-27.1%	0.23	0.34	-30.9%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.75	2.52	9.1%	4.96	5.05	-1.9%
Chi phí QLDN	0.97	0.62	55.8%	1.61	1.37	18.0%
LN thuần từ HĐKD	1.69	2.34	-27.8%	2.25	2.71	-17.1%
Lợi nhuận khác	0.01	0.04	-82.9%	-0.01	0.02	-125%
LN trước thuế	1.70	2.38	-28.8%	2.24	2.73	-18.0%
Lợi nhuận sau thuế	1.33	1.88	-29.4%	1.73	2.13	-19.0%
LNST của CĐ cty mẹ	1.33	1.88	-29.4%	1.73	2.13	-19.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.83	-7.23	16.7	-0.64	-1.82	2.13
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.11	8.94	-9.50	-0.33	0.13	11.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-1.52	-5.07	0	0	-6.59
Tiền đầu kỳ	5.27	2.55	2.74	4.87	3.90	2.20
Lưu chuyển tiền thuần	-2.72	0.19	2.13	-0.97	-1.70	6.87
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.55	2.74	4.87	3.90	2.20	9.08

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	59.8	54.3	10.3%
Tài sản ngắn hạn	39.9	34.3	16.4%
Tiền và tương đương tiền	9.08	3.90	133%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	11.5	-100%
Phải thu ngắn hạn	6.41	4.32	48.4%
Hàng tồn kho	24.4	14.6	67.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	19.9	20.0	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	16.7	16.6	1.0%
Bất động sản đầu tư	2.97	3.15	-5.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.23	-8.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.6	10.7	101%
Nợ ngắn hạn	20.8	9.86	111%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.0	6.72	168%
Nợ dài hạn	0.76	0.86	-12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	38.3	43.5	-12.0%
Vốn chủ sở hữu	38.3	43.5	-12.0%
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

